

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 135/2025/HSST.

Ngày: 22/5/2025.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Bộ và bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2025 tại Hội trường A - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 128/2025/TLST-HS, ngày 28/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2025/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Y Đ**, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2003, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn S, xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Ê đê; Tôn giáo: Không. Con ông: Phạm T, sinh năm 1971; Con bà: H N, sinh năm: 1976. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án: Không.

Tiền sự: 01. Ngày 28 tháng 4 năm 2024, bị Ủy ban nhân dân xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng, về hành vi trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong ngày 14/5/2024).

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 26/02/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Số L52, Phân khu L, Khu đô thị E, T10, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm T, sinh năm: 1971; Địa chỉ: 233/13/35 đường X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 23 tháng 02 năm 2025, do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên Y Đ đã nảy sinh ý định đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Sau đó, Y Đ đi bộ từ nhà tại buôn S, xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 02 giờ ngày 24 tháng 02 năm 2025, Y Đ đi đến gần khu vực nhà của bà Lê Thị N, sinh năm 1980, tại số L52 đường T, Phân khu L, Khu đô thị E, thuộc địa phận T10, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thì Y Đ phát hiện thấy có 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Hyundai Santafe, màu trắng, biển kiểm soát 47A-872.10 của bà N đang đậu trên đường, sát vỉa hè phía trước nhà, nhưng xe không gấp gương chiếu hậu. Y Đ biết xe ô tô không khoá cửa, nên Y Đ đã đi đến cạnh chiếc xe ô tô trên, rồi mở cửa xe phía bên phụ, cạnh ghế lái và lục tìm ở hộc để đồ phía trước ghế phụ. Y Đ thấy có 01 ví da màu nâu, kiểm tra bên trong ví có giấy tờ tùy thân của bà N, nên Y Đ bỏ ví lại, rồi tiếp tục mở hộc đựng đồ ngăn cách giữa 02 ghế trước, thì thấy có 01 túi xách màu trắng - xanh, kiểm tra bên trong thấy có số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng), đều có mệnh giá 500.000 đồng. Lúc này, Y Đ đã lấy hết số tiền 21.000.000 đồng có ở trong túi, sau đó vứt bỏ lại chiếc túi xách trong xe, rồi đóng cửa xe lại và tẩu thoát về nhà ở huyện C1, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, Y Đ đã lấy ra 1.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Sau khi phát hiện bị trộm cắp tài sản, thì bà N đã đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc. Đến ngày 25 tháng 02 năm 2025, thì hành vi của Y Đ bị phát hiện xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 136/CT-VKS-BMT ngày 28/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Y Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Y Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung bản Cáo trạng số: 136/CT-VKS-BMT ngày 28/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Y Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Y Đ** mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

***/ Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về phần xử lý vật chứng: Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả số tiền 20.000.000 đồng, là tài sản của bà Lê Thị N nhận quản lý, sử dụng.

Đối với 01 đĩa CD, bên trong có chứa đoạn Video ghi nhận hành vi phạm tội của bị cáo Y Đ, là vật chứng của vụ án, đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án.

- Về phần trách nhiệm dân sự: Đề nghị chấp nhận sự tự nguyện của ông Phạm T (bố ruột bị cáo Y Đ) đã trả lại cho bà Lê Thị N số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bà N không yêu cầu bị cáo Y Đ phải bồi thường gì thêm, nên không đề cập giải quyết, ông Phạm T cũng không yêu cầu gì.

Bị cáo không tham gia tranh luận gì khác chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Để có tiền tiêu xài, nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền nên vào khoảng 02 giờ ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trước số nhà L52 đường T, Phân khu L, Khu đô thị E thuộc địa phận t10, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Y Đ đã đột nhập vào chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Hyundai Santafe màu trắng, biển kiểm soát 47A-872.10 của bà Lê Thị N đang đậu trên vỉa hè, trộm cắp số tiền 21.000.000 đồng, thì bị phát hiện và xử lý theo quy định của pháp luật.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Y Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Như vậy có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Bị cáo Y Đ đã có hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị, nhưng vì ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ tư lợi cá nhân, muốn có tiền từ hành vi bất chính, nên vào khoảng 02 giờ ngày 24 tháng 02 năm 2025, Y Đ đã đột nhập vào chiếc xe ô tô, nhãn hiệu Hyundai Santafe màu trắng, biển kiểm soát 47A-872.10 của bà Lê Thị N đang đậu trên vỉa hè, trộm cắp số tiền 21.000.000 đồng, thì bị phát hiện và xử lý theo quy định của pháp luật. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 28/4/2024, bị cáo bị Ủy ban nhân dân xã C, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng, về hành vi trộm cắp tài sản (đã chấp hành xong ngày 14/5/2024). Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, như vậy cũng cần phải xử lý bị cáo một mức án phù hợp mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa đối với loại tội phạm này. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, vì vậy cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo đã gây ra cùng nhân thân của bị cáo, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội về sau.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về phần xử lý vật chứng: Cần chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả số tiền 20.000.000 đồng, là tài sản của bà Lê Thị N nhận quản lý, sử dụng.

Đối với 01 đĩa CD, bên trong có chứa đoạn Video ghi nhận hành vi phạm tội của bị cáo Y Đ, là vật chứng của vụ án, nên lưu theo hồ sơ vụ án.

- Về phần trách nhiệm dân sự: Cần chấp nhận sự tự nguyện của ông Phạm T (bố ruột bị cáo Y Đ) đã trả lại cho bà Lê Thị N số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bà N không yêu cầu bị cáo Y Đ phải bồi thường gì thêm, nên không đề cập giải quyết, ông Phạm T cũng không có yêu cầu gì.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Y Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Y Đ** 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/02/2025.

*** / Các biện pháp tư pháp:** Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về phần xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại số tiền 20.000.000 đồng, là tài sản của bà Lê Thị N nhận quản lý, sử dụng.

Đối với 01 đĩa CD, bên trong có chứa đoạn Video ghi nhận hành vi phạm tội của bị cáo **Y Đ**, là vật chứng của vụ án, nên lưu theo hồ sơ vụ án.

- Về phần trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của ông Phạm T (bố ruột bị cáo **Y Đ**) đã trả lại cho bà Lê Thị N số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bà N không yêu cầu bị cáo **Y Đ** phải bồi thường gì thêm, nên không đề cập giải quyết, ông Phạm T cũng không có yêu cầu gì thêm.

*** Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Y Đ** phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS Tp. B;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

- Lưu hồ sơ, văn phòng.

